ITE

VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
Institute for Tropicalization and Environment

Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh.
ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140
Fax: 028.38423670, 38455140

QT.19.0069

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 28/01/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190123.001

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 23/01/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 23/01/2019 - 28/01/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT	TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0069	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 28/01/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190123.001	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,10	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	23	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	9	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	KPH LOD=0,0015	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH LOD=0,002	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,77	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	4	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,3	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,74	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140 Fax: 028.38423670, 38455140
QT.19.0049	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 23/01/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190116.001

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 16/01/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 16/01/2019 – 23/01/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	**TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT**	**TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH**
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0049	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 23/01/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190116.001	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,13	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	21	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	10	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	KPH LOD=0,0015	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH LOD=0,002	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,83	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,6	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,83	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140 Fax: 028.38423670, 38455140
QT.19.0026	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 16/01/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190109.001

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 09/01/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 09/01/2019 – 16/01/2019

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	**KT.TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT**	**TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH**
AOSC VLAT - 0108		VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ – VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG
NGUYỄN PHÚ BẢO	NGUYỄN THỊ NHẠN	BÙI HỒNG HÀ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0026	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 16/01/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190109.001	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,14	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	24	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	11	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,007	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,007	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,82	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	6	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,6	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,50	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140 Fax: 028.38423670, 38455140
QT.19.0003	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 09/01/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước ra tại Nhà máy: QT190102.003

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 02/01/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn theo ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	**TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT**	**TL.VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH**
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

AOSC VLAT - 0108

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ – VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0003	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 09/01/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01: 2009/BYT
				QT190102.003	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	<5	15
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	0,18	2
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5
5	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	26	300
6	Clorua	TCVN 6194:1996	mg/L	9	250
7	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	KPH LOD=0,0015	0,3
8	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH LOD=0,002	0,3
9	Nitrit	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	<0,010	3
10	Nitrat	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	0,88	50
11	Sunfat	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	5	250
12	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,5	2
13	Clo dư	Hach Method 8021	mg/L	0,59	0,3 - 0,5
14	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0
15	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	Vi khuẩn/100ml	0	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE	VIỆN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropicalization and Environment**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh. ĐT: 028.38446262-65, 028.38455140 Fax: 028.38423670, 38455140
QT.19.0004	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày: 09/01/2019

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức

2. Địa điểm lấy mẫu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức – 479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Tên mẫu: Nước đầu vào nhà máy nước : QT190102.004

4. Số lượng mẫu: 01

5. Ngày nhận mẫu: 02/01/2019

6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Phòng thí nghiệm đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005
Phòng thí nghiệm đạt TCVN/QS 877:2014
Phòng thí nghiệm đủ điều kiện quan trắc môi trường theo VIMCERTS 009

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	**TRƯỞNG PHÒNG QT&PTMT**	**TL. VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH**
NGUYỄN PHÚ BẢO	TRẦN TUẤN VIỆT	BÙI HỒNG HÀ

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0004	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 09/01/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2015 (A2)
				QT190102.004	
1	Màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	51	-
2	Mùi vị	SMEWW 2150 B SMEWW 2160 B	-	Không có mùi, vị lạ	-
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	NTU	14	-
4	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6-8,5
5	TDS	SOP 24.01.04	mg/L	60	-
6	SO_4^{2-}	SMEWW 4500 – SO_4^{2-} .E:2012	mg/L	6	-
7	F^-	SMEWW 4500-F^- .B&D:2012	mg/L	KPH (LOD=0,04)	1,5
8	CN^-	SMEWW 4500-CN^-	mg/L	KPH (LOD=0,002)	0,05
9	H_2S	Hach Method 8131	mg/L	KPH (LOD=0,005)	-
10	Cl^-	TCVN 6194:1996	mg/L	8	350
11	N – NO_2	SMEWW 4500 – NO_2^- .B:2012	mg/L	0,017	0,05
12	N – NO_3	SMEWW 4500 – NO_3^- .E:2012	mg/L	1,07	5
13	N – NH_4	TCVN 6179:1996	mg/L	0,085	0,3
14	Tổng cứng	TCVN 6224:1996	$mgCaCO_3/L$	18	-
15	Chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	2,2	-
16	Phenol	TCVN 6216 : 1996	mg/L	<0,001	0,005
17	Monocloramin	SMEWW 4500 – Cl G	µg/L	<1	-
18	Tổng Coliforms	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	750	5000
19	E.Coli	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	43	50

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

ITE

QT.19.0004	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày: 09/01/2019

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2015 (A2)
				QT190102.004	
20	Tổng Fe	US EPA Method 6020A	mg/L	0,113	1
21	Mn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,005	0,2
22	Cu	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,017	0,2
23	Pb	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,02
24	Zn	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,063	1,0
25	Cd	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,001)	0,005
26	Ni	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,1
27	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,1
28	As	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,0008	0,02
29	Hg	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,0002)	0,001
30	Al	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,117	-
31	Na	SMEWW 3125B:2012	mg/L	0,586	-
32	Se	SMEWW 3125B:2012	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-

Ghi chú: KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của Viện trưởng Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.